

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 39/2020/DS-ST

Ngày: 29 tháng 12 năm 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Nghịch.

2. Bà Phan Thị Nhường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-DS, ngày 03/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: 18 Trần Hữu D, khu đô thị M, Quận Từ L, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T. C/v: Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình T, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N-Chi nhánh K, tỉnh Đắk Lắk. (Theo công văn số 1627/QĐ-NHN₀TCTL ngày 18/8/2020)

Địa chỉ: 334B G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người được uỷ quyền lại của người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch E- trực thuộc Ngân hàng N -Chi nhánh K, tỉnh Đắk Lắk- Có mặt.

Địa chỉ: Km 19, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Q; sinh năm 1967- Vắng mặt

Địa chỉ: Buôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1./ Bà Hoàng Thị H; sinh năm 1971-Vắng mặt

2./ Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1989-Vắng mặt

3./ Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1993-Vắng mặt

Địa chỉ: Buôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

4./ Bà Phan Thị T; sinh năm 1931-Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2019, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N: ông Nguyễn Thanh T trình bày.

Ngày 12 tháng 04 năm 2018, Ngân hàng N Chi nhánh huyện K– Đắk Lắk đã ký kết hợp đồng tín dụng số 5203LAV2018 với ông Nguyễn Đức Q, theo đó Ngân hàng đã cho ông Nguyễn Đức Q vay số tiền: 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*), lãi suất cho vay là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 17,25%, lãi suất chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày vay 12/4/2018, ngày giải ngân là ngày 16/4/2018, kỳ hạn trả nợ, chia thành 05 kỳ.

Kỳ 1: 12/4/2019: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 2: 12/4/2020: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 3: 12/4/2021: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 4: 12/4/2022: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 5: 12/4/2023: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Mục đích vay vốn: sử dụng vào mục đích của gia đình.

Đối tượng vay: Mua 02 máy cắt lúa.

Để đảm bảo khoản vay, ngày 26 tháng 03 năm 2018, Ông Nguyễn Đức Q và bà Hoàng Thị H ký kết với Ngân hàng N, Chi nhánh huyện K– Đắk Lắk hợp đồng thế chấp số: 5203-056351023/HĐTC để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số M 930990 do UBND huyện K cấp ngày 13/06/1998 cho Hộ ông Nguyễn Đức Q, số vào sổ: 01188; Thửa đất số: 362; Tờ bản đồ số: 13; Diện tích 580m² Địa chỉ thửa đất: Xã: E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để đảm bảo số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan- nếu có. (Quyền sử dụng đất này đã được bà Hoàng Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông

Nguyễn Đức D là thành viên Hộ gia đình, Ủy quyền cho ông Nguyễn Đức Q mang đi thế chấp vay vốn ngân hàng theo Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 003041 ngày 16/04/2018 do Văn phòng công chứng Trung Nghĩa chứng thực.

Ngoài ra, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số: 5203-056351023/HĐBL, ngày 12 tháng 04 năm 2018, được công chứng ngày 13/4/2018 tại Văn phòng Công chứng Đại An thì Ngân hàng N-Chi nhánh huyện K, Đắk Lắk đã nhận thế chấp của bà Phan Thị T; sinh năm 1931, địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số P149123, Thửa đất số: 399,400, 403, 293m; Tờ bản đồ số: 01,05; Diện tích 13.776 m²; Địa chỉ thửa đất: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do UBND huyện Krông A cấp ngày 06/10/1999, số vào sổ: 217003 cho Hộ ông Hoàng Xuân H (đã chết), để lại thừa kế cho bà Phan Thị T, sinh năm 1931 theo văn bản phân chia tài sản thừa kế của Ủy ban nhân dân xã Q, chứng thực ngày 11/3/2016 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Đức Q và bà Hoàng Thị H tại các hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng N-Chi nhánh huyện K với ông Nguyễn Đức Q và bà Hoàng Thị H (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan- nếu có) trong đó số tiền gốc là 600.000.000 đồng.

Quá trình vay vốn, ngày 11/7/2019 ông Nguyễn Đức Q mới trả được 19.852.597 đồng (*mười chín triệu, tám trăm năm hai nghìn, năm trăm chín bảy đồng*) tiền lãi, cho đến nay chưa trả thêm được bất kỳ khoản gốc và lãi nào, tính đến hết ngày 29/12/2020, tổng dư nợ của ông Nguyễn Đức Q là: 1.001.074.599 (*một tỷ, không trăm lẻ một triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 750.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt là: 251.074.599 đồng.

Ngân hàng N- Chi nhánh huyện K, đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Nguyễn Đức Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, tính đến nay, ông Nguyễn Đức Q liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Đức Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 29/12/2020 là: 1.001.074.599 (*một tỷ, không trăm lẻ một triệu, không trăm bảy*

mười bốn nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 750.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt là: 251.074.599 đồng.

Buộc ông Nguyễn Đức Q phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5203LAV201801214 ngày 12/04/2018, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Đức Q trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Nếu ông Nguyễn Đức Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Đức Q theo hợp đồng thế chấp số: 5203-056351023/HĐTC ngày 26/03/2018 và Hợp đồng số 5203-056351023/HĐBL ngày 12/04/2018 để thu hồi nợ.

Tài sản phát mãi là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 930990, số vào sổ: 01188; Thửa đất số: 362; Tờ bản đồ số: 13; Diện tích 580m² Địa chỉ thửa đất: Xã: E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do UBND huyện K cấp ngày 13/06/1998 cho Hộ ông Nguyễn Đức Q, để đảm bảo số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan- nếu có.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P149123, Thửa đất số: 399,400, 403,293m; Tờ bản đồ số: 01,05; Diện tích 13.776 m²; Địa chỉ thửa đất: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do UBND huyện K cấp ngày 06/10/1999, số vào sổ: 217003 cho Hộ ông Hoàng Xuân H (đã chết), để lại thừa kế cho bà Phan Thị T, sinh năm 1931 theo văn bản phân chia tài sản thừa kế của Ủy ban nhân dân xã Q, chứng thực ngày 11/3/2016 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Đức Q và bà Hoàng Thị H (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan- nếu có) trong đó số tiền gốc là 600.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên: Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì thông qua Ngân hàng N- Chi nhánh huyện K- Đắk Lắk có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đức Q để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, thì đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xin rút, đề Nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Đức Q trình bày:

Ngày 12 tháng 04 năm 2018, Tôi có vay của Ngân hàng N- Chi nhánh huyện K– Đăk Lăk số tiền: 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*), lãi suất cho vay là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 17,25%, lãi suất chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày vay 12/4/2018, Ngày giải ngân là ngày 16/4/2018, Kỳ hạn trả nợ, chia thành 05 kỳ.

Kỳ 1: 12/4/2019: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 2: 12/4/2020: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 3: 12/4/2021: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 4: 12/4/2022: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 5: 12/4/2023: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Mục đích vay vốn: sử dụng vào mục đích của gia đình.

Đối tượng vay: Mua 02 máy cắt lúa.

Để đảm bảo khoản vay, ngày 26 tháng 03 năm 2018, tôi và vợ bà Hoàng Thị H ký kết với Ngân hàng N Chi nhánh huyện K– Đăk Lăk hợp đồng thế chấp số: 5203-056351023/HĐTC để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số M 930990 do UBND huyện K cấp ngày 13/06/1998 cho Hộ ông Nguyễn Đức Q, số vào sổ: 01188; Thửa đất số: 362; Tờ bản đồ số: 13; Diện tích 580m² Địa chỉ thửa đất: Xã: E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, để đảm bảo số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan- nếu có. (Quyền sử dụng đất này đã được bà Hoàng Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đức D là thành viên Hộ gia đình, Ủy quyền cho ông Nguyễn Đức Q mang đi thế chấp vay vốn ngân hàng theo Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 003041 ngày 16/04/2018 do Văn phòng công chứng Trung Nghĩa chứng thực).

Ngoài ra, ngày 12 tháng 04 năm 2018, bà Phan Thị T ký kết với Ngân hàng N Chi nhánh huyện K– Đăk Lăk hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số: 5203-056351023/HĐBL để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số P149123, Thửa đất số: 399,400, 403,293m; Tờ bản đồ số: 01,05; Diện tích 13.776 m²; Địa chỉ thửa đất: xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk để bảo lãnh cho tôi vay vốn tại các hợp đồng tín dụng được ký giữa tôi và Ngân hàng N bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan- nếu có. Trong đó số tiền gốc là 600.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tính đến nay tôi vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng như hợp đồng các bên đã ký kết, vi phạm các kỳ trả nợ.

Nay ngân hàng khởi kiện. Tôi thừa nhận còn nợ Ngân hàng N số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn tôi đề nghị Ngân hàng kéo dài thời hạn trả nợ cho tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H; Bà Nguyễn Thị L; Ông Nguyễn Đức D; Bà Phan Thị T đã được tòa án triệu tập nhưng không tham gia tố tụng trình bày ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317; Điều 318; Điều 323; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Nguyễn Đức Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là: 1.001.074.599 (*một tỷ, không trăm lẻ một triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 750.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt là: 251.074.599 đồng.

Kể từ ngày 30/12/2020 ông Nguyễn Đức Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông Nguyễn Đức Q không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự, bán phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ, cụ thể:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 930990 thửa đất số: 362 tờ bản đồ 13, diện tích 580 m², địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do UBND huyện K, cấp ngày 13/6/1998 cho hộ ông

Nguyễn Đức Q để thu hồi số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số P149123, Thửa đất số: 399, tờ bản đồ số 1, diện tích 3006 m²; Thửa đất số: 400, tờ bản đồ số 1, diện tích 5150 m²; Thửa đất số: 403, tờ bản đồ số 1, diện tích 2020 m²; Thửa đất số: 293m, tờ bản đồ số 5, diện tích 3600 m²; Địa chỉ các thửa đất trên: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do UBND huyện K cấp ngày 06/10/1999, số vào sổ: 217003 cho Hộ ông Hoàng Xuân H (đã chết), để lại thừa kế cho bà Phan Thị T, sinh năm 1931; Chứng minh nhân dân số 240115270; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo văn bản phân chia tài sản thừa kế của Ủy ban nhân dân xã Q, chứng thực ngày 11/3/2016 để thu hồi số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu tuyên: Sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi bất kỳ tài sản nào của ông Nguyễn Đức Q để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng N, đề ngày 22/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Đức Q cư trú tại Buôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đức Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H; Bà Nguyễn Thị L; Ông Nguyễn Đức D; Bà Phan Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành

xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 12 tháng 04 năm 2018, ông Nguyễn Đức Q và Ngân hàng N Chi nhánh huyện K– Đăk Lăk đã ký kết hợp đồng tín dụng số 5203LAV2018, theo hợp đồng thì ông Nguyễn Đức Q vay số tiền là: 750.000.000 đồng (*bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn*), lãi suất cho vay là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 17,25%, lãi suất chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày vay 12/4/2018, Ngày giải ngân 16/4/2020.

Kỳ hạn trả nợ, chia thành 05 kỳ.

Kỳ 1: 12/4/2019: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 2: 12/4/2020: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 3: 12/4/2021: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 4: 12/4/2022: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Kỳ 5: 12/4/2023: trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất.

Mục đích vay vốn: sử dụng vào mục đích của gia đình; Đối tượng vay: Mua 02 máy cắt lúa.

Quá trình vay, ngày 11/7/2019 ông Nguyễn Đức Q mới trả được cho ngân hàng 19.852.597 đồng (*mười chín triệu, tám trăm năm hai nghìn, năm trăm chín bảy đồng*) tiền lãi. Cho đến nay ông Nguyễn Đức Q đã vi phạm hai kỳ trả nợ đối số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi của hợp đồng. Hiện tại số tiền nợ trên đã quá hạn trả nợ. Theo quy định tại Điều 282 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “*Việc chậm thực hiện nghĩa vụ theo từng kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ*” Như vậy, việc ông Nguyễn Đức Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi suất theo như hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Nguyễn Đức Q trả toàn bộ số nợ gốc 750.000.000đ.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*”

Xét yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 282; Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc ông Nguyễn Đức Q phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 750.000.000đ là phù hợp.

Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng thì lãi suất các bên thỏa thuận đối với khoản vay nói trên là 11,5%/năm. Lãi suất quá hạn 17,25%/năm, lãi chậm trả lãi

10%/năm. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

* Tiền lãi suất trong hạn:

Đối với số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng, tính từ ngày giải ngân 16/4/2018 đến định kỳ trả nợ lần đầu, ngày 12/4/2019 là 361 ngày, được tính như sau: $750.000.000 \text{ đồng} \times 11,5\% : 365 \text{ ngày} \times 361 \text{ ngày} = 85.304.795 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng, tính từ ngày 13/4/2019 đến định kỳ trả nợ lần hai ngày 12/4/2020 là 365 ngày, được tính như sau : $600.000.000 \text{ đồng} \times 11,5\% = 69.000.000 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền vay gốc là 450.000.000 đồng, tính từ ngày 13/4/2020 đến ngày tuyên án sơ thẩm 29/12/2020 là 261 ngày, được tính như sau : $450.000.000 \text{ đồng} \times 11,5\% : 365 \text{ ngày} \times 261 \text{ ngày} = 37.004.795 \text{ đồng}$.

Tiền lãi trong hạn là: 191.309.590 đồng.

* Lãi suất quá hạn: Do ông Nguyễn Đức Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hai kỳ nên tiền lãi quá hạn được tính như sau:

Đối với số tiền 150.000.000 đồng của kỳ 1, phải trả vào ngày 12/4/2019, nên ngày quá hạn là 13/4/2019 đến ngày 29/12/2020 là 627 ngày: $150.000.000 \text{ đồng} \times 17,25\% : 365 \text{ ngày} \times 627 \text{ ngày} = 44.448.288 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng của kỳ 2, phải trả vào ngày 12/4/2020, nên ngày quá hạn là 13/4/2020 đến ngày 29/12/2020 là 261 ngày: $150.000.000 \text{ đồng} \times 17,25\% : 365 \text{ ngày} \times 261 \text{ ngày} = 18.502.397 \text{ đồng}$.

Tiền lãi quá hạn là: 62.950.685 đồng.

* Lãi chậm trả lãi đối với số tiền lãi trong hạn của kỳ trả nợ thứ nhất: 85.305.000 đồng từ ngày vi phạm nghĩa vụ 13/4/2019 đến ngày 11/7/2019 (ngày 11/7/2019 ông Q đã trả lãi 19.852.597 đồng) là 90 ngày: $85.304.795 \text{ đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày} = 2.103.406 \text{ đồng}$; số tiền lãi 65.452.198 đồng từ ngày 12/7/2019 đến ngày 29/12/2020 là 537 ngày: $65.452.198 \text{ đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 537 \text{ ngày} = 9.629.542 \text{ đồng}$.

Lãi chậm trả lãi đối với số tiền lãi trong hạn của kỳ trả nợ thứ hai: 69.000.000 đồng từ ngày vi phạm nghĩa vụ 13/4/2020 đến ngày 29/12/2020 là 261 ngày: $69.000.000 \text{ đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 261 \text{ ngày} = 4.933.973 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi tính từ ngày vay đến ngày tuyên án sơ thẩm 29/12/2020 là 270.927.197 đồng. Ông Quốc đã trả được

tiền lãi là 19.852.597 đồng, còn nợ lãi là 251.074.599 đồng (*hai trăm năm mươi một triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng*)

Như vậy, HĐXX buộc ông Nguyễn Đức Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng cộng số tiền là: 1.001.074.599 đồng (*một tỷ, không trăm lẻ một triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 750.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt là: 251.074.599 đồng.

Kể từ ngày 30/12/2020 ông Nguyễn Đức Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Về tài sản thế chấp: Để bảo đảm khoản vay của hợp đồng tín dụng trên:

Ông Nguyễn Đức Q và bà Hoàng Thị H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5203-056351023/HĐTC ngày 26 tháng 3 năm 2018, thế chấp cho Ngân hàng N - Chi nhánh K, tỉnh Đắk Lắk tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 930990 thửa đất số: 362 tờ bản đồ 13, diện tích 580 m², địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do UBND huyện K, cấp ngày 13/6/1998 cho hộ ông Nguyễn Đức Q, để đảm bảo số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan. (quyền sử dụng đất này đã được bà Hoàng Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đức D ký hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Đức Q mang đi thế chấp để vay vốn ngân hàng).

Bà Phan Thị T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên thứ ba số: 5203-056351023/HĐBL ngày 12/4/2018 để thế chấp:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số P149123, Thửa đất số: 399,400, 403,293m; Tờ bản đồ số: 01,05; Diện tích 13.776 m²; Địa chỉ thửa đất: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do UBND huyện K cấp ngày 06/10/1999, số vào sổ: 217003 cho Hộ ông Hoàng Xuân H (đã chết), để lại thừa kế cho bà Phan Thị T, sinh năm 1931; Chứng minh nhân dân số 240115270; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo văn bản phân chia tài sản thừa kế của Ủy ban nhân dân xã Q, chứng thực ngày 11/3/2016 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Đức Q và bà Hoàng Thị H tại các hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng N- Chi nhánh huyện K và ông Nguyễn Đức Q và bà Hoàng Thị H (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan- nếu có) trong đó số tiền gốc là 600.000.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5203-056351023/HĐTC ngày 26 tháng 3 năm 2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên thứ ba số: 5203-056351023/HĐBL ngày 12/4/2018 được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 292; Điều 293 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ.

Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng số 5203LAV2018 ngày 12/4/2018, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5203-056351023/HĐTC ngày 26 tháng 3 năm 2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên thứ ba số: 5203-056351023/HĐBL ngày 12/4/2018 giữa các bên đương sự là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Nên Tòa án công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5203-056351023/HĐTC ngày 26 tháng 3 năm 2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên thứ ba số: 5203-056351023/HĐBL ngày 12/4/2018 với Ngân hàng N là có thực và hợp pháp.

Vì vậy, trường hợp ông Nguyễn Đức Q không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự, bán phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ, cụ thể:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 930990 thửa đất số: 362 tờ bản đồ 13, diện tích 580 m², địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do UBND huyện K, cấp ngày 13/6/1998 cho hộ ông Nguyễn Đức Q, để thu hồi số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số P149123, Thửa đất số: 399; tờ bản đồ số 1; diện tích 3006 m²; Thửa đất số: 400; tờ bản đồ số 1; diện tích 5150 m²; Thửa đất số: 403; tờ bản đồ số 1; diện tích 2020 m²; Thửa đất số: 293m; tờ bản đồ số 5; diện tích 3600 m²; Địa chỉ 04 thửa đất trên: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do UBND huyện K cấp ngày 06/10/1999, sổ vào sổ: 217003 cho Hộ ông Hoàng Xuân H (đã chết), để lại thừa kế cho bà Phan Thị T, sinh năm 1931; Chứng minh nhân dân số 240115270; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo văn bản phân chia tài sản thừa kế của Ủy ban nhân dân xã Q, chứng thực ngày 11/3/2016 để thu hồi số tiền vay gốc

là 600.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan.

Sau khi ông Nguyễn Đức Q thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đức Q theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc: Yêu cầu Tòa án tuyên, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự, xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đức Q để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xin rút yêu cầu này. Xét thấy việc Ngân hàng rút yêu cầu trên là tự nguyện, nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu trên của Ngân hàng là phù hợp.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản ông Nguyễn Đức Q và bà Hoàng Thị H đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 930990 thửa đất số: 362 tờ bản đồ 13, diện tích 580 m², địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do UBND huyện K, cấp ngày 13/6/1998 cho hộ ông Nguyễn Đức Q, chi phí hết 2.000.000 đồng và Ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số: 399; tờ bản đồ số 1; Thửa đất số: 400; tờ bản đồ số 1; Thửa đất số: 403; tờ bản đồ số 1; Thửa đất số: 293m; tờ bản đồ số 5; Địa chỉ: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do UBND huyện K cấp ngày 06/10/1999, số vào sổ: 217003 cho Hộ ông Hoàng Xuân H (đã chết), để lại thừa kế cho bà Phan Thị T, sinh năm 1931; Chứng minh nhân dân số 240115270; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo văn bản phân chia tài sản thừa kế của Ủy ban nhân dân xã Q, chứng thực ngày 11/3/2016, chi phí hết 3.000.000 đồng.

Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Đức Q phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, số tiền này nguyên đơn Ngân hàng N đã nộp tạm ứng, nên ông Nguyễn Đức Q phải trả cho Ngân hàng N.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Đức Q phải chịu 42.032.237. 97đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo mức tính: 800.000.000đ phải chịu 36.000.000đ + (201.074.599 đồng x 3%) = 42.032.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 282; khoản 2 Điều 292; Điều 293; Điều 317; Điều 318; Điều 323; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Nguyễn Đức Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là: 1.001.074.599 (*một tỷ, không trăm lẻ một triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 750.000.000 đồng (*bảy trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt là: 251.074.599 đồng (*hai trăm năm mươi một triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi chín nghìn*).

Kể từ ngày 30/12/2020 ông Nguyễn Đức Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Sau khi ông Nguyễn Đức Q thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 930990 thửa đất số: 362 tờ bản đồ 13, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do UBND huyện K, cấp ngày 13/6/1998 cho hộ ông Nguyễn Đức Q; Giấy chứng nhận quyền sử dụng số P149123, Thửa đất số: 399,400, 403, 293m; Tờ bản đồ số: 01,05; Địa chỉ thửa đất: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do UBND huyện K cấp ngày 06/10/1999, sổ vào sổ: 217003 cho Hộ ông Hoàng Xuân H (đã chết), để lại thừa kế cho bà Phan Thị T, sinh năm 1931 theo văn bản phân chia tài sản thừa kế của Ủy ban nhân dân xã Q, chứng thực ngày 11/3/2016.

Trường hợp ông Nguyễn Đức Q không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự, bán phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5203-056351023/HĐTC ngày 26 tháng 3 năm 2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên thứ ba số: 5203-056351023/HĐBL ngày 12/4/2018 để ngân hàng thu hồi nợ.

Tài sản bán phát mãi bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 930990 thửa đất số: 362 tờ bản đồ 13, diện tích 580 m², địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do UBND huyện K, cấp ngày 13/6/1998 cho hộ ông Nguyễn Đức Q để thu hồi số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số P149123, Thửa đất số: 399, tờ bản đồ số 1, diện tích 3006 m²; Thửa đất số: 400, tờ bản đồ số 1, diện tích 5150 m²; Thửa đất số: 403, tờ bản đồ số 1, diện tích 2020 m²; Thửa đất số: 293m, tờ bản đồ số 5, diện tích 3600 m²; Địa chỉ các thửa đất trên: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do UBND huyện K cấp ngày 06/10/1999, sổ vào sổ: 217003 cho Hộ ông Hoàng Xuân H (đã chết), để lại thừa kế cho bà Phan Thị T, sinh năm 1931; Chứng minh nhân dân số 240115270; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo văn bản phân chia tài sản thừa kế của Ủy ban nhân dân xã Q, chứng thực ngày 11/3/2016 để thu hồi số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Đức Q có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu tuyên: Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đức Q để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức Q phải chịu 42.032.000 đồng (*bốn mươi hai triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 18.838.000 đồng (*mười tám triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

AA/2019/0003995, ngày 13/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Đức Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H; Bà Nguyễn Thị L; Ông Nguyễn Đức D; Bà Phan Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Chu Anh Hùng